

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển
công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCN(TTQ10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển
công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030 nhằm đạt được mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021.

2. Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho các đơn vị thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ thực hiện các nội dung của Đề án.

3. Tăng cường hiệu quả phối hợp của các đơn vị trong Bộ với các bộ, ngành, địa phương trong việc huy động các nguồn lực xã hội (doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã) xây dựng các mô hình, điểm triển khai Đề án theo danh mục đã phê duyệt và nhân rộng các mô hình một cách hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học nông nghiệp

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.

Tuyên truyền phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghiệp sinh học có hiệu quả. Tăng cường thông tin để khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học nông nghiệp sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu của Việt Nam.

2. Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tạo động lực cho phát triển nền công nghiệp sinh học trong nông nghiệp

Rà soát hiện trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp. Nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp vào sản xuất, đời sống.

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm công nghệ sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam. Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp quy mô hàng hóa, bảo đảm phát triển bền vững.

3. Phát triển khoa học và công nghệ

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cải tiến, chọn tạo ra các giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản có những tính trạng tốt, đặc tính tốt, ưu việt vượt trội mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững ngành nông nghiệp; Tiếp cận, làm chủ các công nghệ gen thế hệ mới/công nghệ chỉnh sửa gen trong nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản chủ lực nhằm tăng tính chống chịu của giống với điều kiện bất thuận do biến đổi khí hậu; Hình thành cơ sở dữ liệu ADN/barcode/chỉ thị phân tử đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng, phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đặc sản của Việt Nam.

Chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, thủy sản, tạo vắc-xin thế hệ mới phòng bệnh vật nuôi, thủy sản; tạo chế phẩm vi sinh phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng, sản xuất thuốc thú y sinh học có hiệu quả kinh tế cao. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ enzym, protein, vi sinh vật nhằm tạo sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao.

Ứng dụng, làm chủ công nghệ phát triển bộ sinh phẩm (KIT) phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi, thủy sản; KIT chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng và kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc từ cây trồng; giám định, chẩn đoán độ phì nhiêu, sức khỏe đất trồng trọt, nước tưới.

Đề xuất quy hoạch công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp tại một số tỉnh, thành phố và vùng kinh tế trọng điểm. Gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và sức cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học.

4. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp. Tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép với các chương trình đào tạo khác nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của các tổ chức khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ và doanh nghiệp công nghệ sinh học thông qua các hình thức đào tạo trong và ngoài nước.

5. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao tiềm lực để phát triển công nghiệp sinh học

Tập trung đầu tư, nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá máy móc, thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học cho các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học theo chuyên ngành về cây trồng, chăn nuôi – thú y, thủy sản, enzyme – vi sinh vật; cho các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện theo vùng.

6. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp công nghệ sinh học quy mô công nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ, kỹ thuật mới phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp. Tạo điều kiện hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm nông sản ở quy mô công nghiệp trong các lĩnh vực: Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh vật, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản, thuốc thú y sinh học, KIT sử dụng cho chẩn đoán, quản lý dịch bệnh hại quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và kiểm soát dư lượng các chất cấm.

7. Hợp tác quốc tế

Hình thành nhóm nhiệm vụ hợp tác song phương, đa phương với các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến để nhanh chóng tiếp cận, làm quen và tiến tới làm chủ công nghệ nền của công nghệ sinh học nông nghiệp hiện đại. Tranh thủ các cơ hội hợp tác để đào tạo đội ngũ cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi và nâng cao trình độ nghiên cứu, phát triển công nghệ.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chủ động hợp tác và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ sản xuất công nghiệp sản phẩm công nghệ sinh học có lợi thế cạnh tranh từ nước ngoài.

8. Hình thành cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.

Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ ngành nông nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Chủ trì tham mưu Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch được ban hành tại Quyết định này. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và Kế hoạch, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan Trung ương liên quan định kỳ và đột xuất (nếu cần).

- Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ và nhiệm vụ tăng cường năng lực khoa học công nghệ

của Đề án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính để tổng hợp, bố trí kế hoạch.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng chính sách về quản lý an toàn sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam.

- Chủ trì tham mưu Bộ kiện toàn Ban Điều hành và ban hành quy chế hoạt động của Ban Điều hành thực hiện Đề án trên cơ sở Ban Điều hành Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Tài chính: tham gia tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm cho các nhiệm vụ của Đề án gửi Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước chung về KHCCN và tăng cường năng lực khoa học công nghệ.

3. Vụ Kế hoạch: tổng hợp đề xuất các dự án đầu tư công phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong nông nghiệp được giao trong Đề án, chủ trì tham mưu Bộ xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bố trí kế hoạch.

4. Vụ Tổ chức cán bộ: chủ trì xây dựng và tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm về công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Đề án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính bố trí kế hoạch, dự toán ngân sách.

5. Vụ Pháp chế: phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp, nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp vào sản xuất, đời sống; chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học nông nghiệp.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT theo chức năng nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này (phụ lục kèm theo) xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm gửi kết quả thực hiện kế hoạch về Bộ.

7. Các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung của Đề án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, phối hợp thực hiện./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phụ lục:**HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
I	TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP				
1.1	Thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp.	Vụ KHCN và Môi trường	Văn Phòng bộ, TT Khuyến nông Quốc gia, các đơn vị nghiên cứu, Báo Nông nghiệp, Tạp chí NN và PTNT, các tổ chức liên quan khác	Hàng năm	2024-2030
1.2	Tổ chức các hoạt động khuyến nông, lâm, ngư và khuyến công để giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các cấp, các ngành về các tiến bộ, kỹ thuật của công nghệ sinh học nông nghiệp tạo cơ sở cho việc phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp trong phạm vi toàn quốc.	TT Khuyến nông Quốc gia	Vụ KHCN và Môi trường, Văn Phòng bộ và các đơn vị nghiên cứu, các tổ chức liên quan khác	Hàng năm	2024-2030
II	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP				
2.1	Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ theo nhiệm vụ được phân giao tại khoản 1, Mục II, Quyết định số 429/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Tài chính, các viện Nghiên cứu, Trường đại học, Học viện, các tổ chức liên quan khác	Hàng năm	2024-2030
2.2	Tổ chức triển khai các dự án sản xuất quy mô công nghiệp theo nhiệm vụ được phân giao tại	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Tài chính, các viện Nghiên cứu, Trường	Hàng năm	2024-2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	khoản 1, Mục II, Quyết định số 429/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		đại học, Học viện, các tổ chức liên quan khác.		
2.3	Tổ chức triển khai một số dự án nhập công nghệ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, chế phẩm sinh học quy mô công nghiệp.	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Tài chính, các doanh nghiệp, các viện Nghiên cứu, Trường đại học, Học viện, các tổ chức liên quan khác	Hàng năm	2024-2030
III.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP				
3.1	Tăng cường trang thiết bị cho tối thiểu 10 phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thuộc các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Học Viện theo vùng.	Vụ Kế hoạch	Vụ KHCN và Môi trường, Tài chính, Các Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, Học Viện.	Lồng ghép vào các chương trình đầu tư công hàng năm, trung hạn, dài hạn	2024-2030
3.2	Đầu tư 04 phòng thí nghiệm công nghệ sinh học theo chuyên ngành (cây trồng; chăn nuôi-thú y; thủy sản; enzyme-vi sinh vật).	Vụ Kế hoạch	Vụ KHCN và Môi trường, Tài chính, Các Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, Học Viện.	Lồng ghép vào các chương trình đầu tư công hàng năm, trung hạn, dài hạn	2024-2030
3.3	Tổ chức đào tạo 30 tiến sĩ, 100 thạc sĩ và 50 cán bộ khoa học đào tạo nâng cao ở nước ngoài	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ KHCN và Môi trường, Vụ Tài chính, và các đơn vị liên quan	Lồng ghép vào các chương trình đào tạo sau đại học ở nước ngoài	2026-2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
3.4	Tổ chức đào tạo 2000 kỹ thuật viên về công nghệ sinh học nông nghiệp	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ KHCN và Môi trường, Vụ Tài chính, và các đơn vị liên quan	Xây dựng hoặc lồng ghép vào các chương trình đào tạo do Bộ quản lý	2024-2030
IV	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP				
4.1	Thúc đẩy và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm nông sản ở quy mô công nghiệp (bao gồm Kinh phí NSNN/Kinh phí đối ứng từ doanh nghiệp, tổ chức quốc tế).	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Kế hoạch, Tài chính, Văn phòng Bộ, các Tổng cục, Cục các doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Hàng năm	2024-2030
V	XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP				
5.1	Rà soát hiện trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thúc đẩy, phát triển công nghiệp sinh học.	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	2022-2023	2025-2030
5.2	Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm công nghệ sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam.	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	2024	2027-2030
VI	HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NÔNG NGHIỆP				
6.1	Triển khai các nhiệm vụ KHCN hợp tác với các nước trên thế giới về ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp, chuyển giao công nghệ, đây	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, các đơn vị	Hàng năm	2024-2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
	chuyên sản xuất phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp		nghiên cứu, doanh nghiệp liên quan		
6.2	Chuyển giao công nghệ thế hệ mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp liên quan	Hàng năm	2027-2030
VII	THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÀNG NĂM, TỔ CHỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC NHIỆM VỤ, BÁO CÁO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.				
7.1	Thông tin, phổ biến tới các tổ chức, cá nhân có liên quan (Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu KHCN, hiệp hội...) về Kế hoạch thực hiện Đề án.	Vụ KHCN và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2024-2025	2025-2026
7.2	Xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ KHCN hàng năm và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án.	Vụ KHCN và Môi trường	Các đơn vị liên quan	Hàng năm	2024-2028
7.3	Quản lý nhà nước của Đề án và các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước khác	Vụ KHCN và Môi trường; Vụ Tài chính	Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	2024-2030